**B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 TOÁN – LỚP 11**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung** | **Mức độ kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | Hàm số mũ và hàm số lôgarit | *Phép tính luỹ thừa với số mũ nguyên, số mũ hữu tỉ.* | ***Nhận biết :***– Nhận biết được khái niệm luỹ thừa với số mũ nguyên của một số thực khác 0; luỹ thừa với số mũ hữu tỉ  | 2 (TN)Câu 1, Câu 2 |  |  |  |
| *Phép tính lôgarit* . | **Nhận biết :**– Nhận biết được khái niệm lôgarit cơ số a (a > 0, a ≠ 1) của một số thực dương.**Thông hiểu:** – Tính toán được các biểu thức tính lôgarit nhờ sử dụng định nghĩa hoặc các tính chất đã biết trước đó. | 2 (TN)Câu 3, Câu 4 | 1(TN)Câu 5 |  |  |
| *Hàm số mũ. Hàm số lôgarit* | ***Nhận biết:***– Nhận biết được hàm số mũ và hàm số lôgarit. –***Thông hiểu:***– Xác định được tập xác định của hàm số lôgarit đơn giản.– Nhận dạng được đồ thị của các hàm số mũ. Giải thích được các tính chất của hàm số mũ, hàm số lôgarit thông qua đồ thị của chúng | 1 (TN)Câu 6 | 2(TN)Câu 7,8 |  |  |
| *Phương trình mũ, bất phương trình lôgarit* | ***Thông hiểu:*** – Giải được phương trình, bất phương trình mũ, lôgarit ở dạng đơn giản ***Vận dụng:***– Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến phương trình, bất phương trình mũ, lôgarit. |  | 1 (TN)Câu 9 | **2 (TL)****Bài 1,2** |  |
| 2 | Quan hệ vuông góc trong không gian | *Góc giữa hai đường thẳng. Hai đường thẳng vuông góc* | ***Nhận biết:***– Nhìn nhận được hai đường thẳng vuông góc trong không gian trong một số trường hợp đơn giản. | 1 (TN)Câu 10 |  |  |  |
| *Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng* | ***Thông hiểu:***– Xác định được điều kiện để đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. – Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. |  | 1 (TN)Câu 11 |  |  |
| *Hai mặt phẳng vuông góc. Góc giữa 2 mặt phẳng* | ***Thông hiểu:*** – Xác định được 2 mặt phẳng vuông góc– Xác định được góc giữa 2 mặt phẳng trong một số bài tập đơn giản. |  | 2(TN)Câu 12,13 |  |  |
| *Khoảng cách trong không gian* | ***Thông hiểu:***– Xác định được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng; khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng; khoảng cách giữa hai đường thẳng song song; khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song; khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song trong những trường hợp đơn giản.***Vận dụng:*** – Tính được khoảng cách từ một điểm đến mặt phẳng trong trường hợp đơn giản.  |  | 1 TNCâu 14 | 1TLBài 3 |  |
| *Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng.* | ***Thông hiểu:*** – Xác định được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: đã biết hình chiếu vuông góc của đường thẳng lên mặt phẳng). – Xác định được số đo góc nhị diện, góc phẳng nhị diện trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: nhận biết đượcmặt phẳng vuông góc với cạnh nhị diện).  |  | 2 TN câu 15-16 |  |  |
| *Thể tích* | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được công thức thể tích.***Thông hiểu:***Tính được thể tích một số hình đơn giản | 1 (TN)Câu 17 | 2TN Câu 18-19 |  |  |
| 3 | Các quy tắc tính xác suất | *Biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập* | ***Nhận biết:*** - Nhận biết được biến cố hợp | 1 (TN)Câu 20 |  |  |  |
| *Công thức cộng xác suất* | ***Nhận biết:*** - Nhận biết được biến công thức cộng xác suất | 1 (TN)Câu 21 |  |  |  |

http://vnteach.com – Website tài liệu dành cho giáo viên và học sinh Việt Nam